

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **150/2026/HS-PT**

Ngày: 23 - 6 - 2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Hương.

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Trúc Lâm;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Biện Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 96/2026/TLPT-HS ngày 23/4/2026 đối với bị cáo Lê Văn Đ, về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 19/3/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo: **Lê Văn Đ** - Sinh ngày 15/11/1971, tại tỉnh Đắk Lắk; Căn cước công dân số: 054071006292; Nơi cư trú: Khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 03/12; Giới tính: Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân S (đã chết) và bà Phạm Thị X, sinh năm 1946; Bị cáo có vợ là Lương Thị Công L, sinh năm 1976 và 02 con, con lớn sinh năm 1997 và con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không có; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Ngọc C và ông Nguyễn Trọng S2 là Luật sư tại Văn phòng L2 thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ; Địa chỉ: Số D L, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 06 giờ 30 phút ngày 14/01/2025, Lê Văn Đ điều khiển xe công nông tự chế, thùng xe sơn màu xanh thuộc loại xe tương tự xe cơ giới (không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ về điều kiện để được đảm bảo theo quy định của

pháp luật) chở 20 bao xi măng đi từ khu phố P đến khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk, Đ điều khiển xe lưu hành trên đường Quốc lộ 29 theo hướng Bắc-N. Đến khoảng 07 giờ 40 phút cùng ngày, khi đến đoạn Km26+200m đường Q thuộc khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk, là đoạn đường thẳng, phẳng, trải nhựa, có hai chiều đi riêng biệt được ngăn cách bằng dải phân cách cố định, Đ điều khiển xe công nông tự chế rẽ vào vị trí khoảng trống nơi giao nhau giữa hai phần đường, sau đó điều khiển xe lưu hành theo hướng Bắc - Nam trên phần đường phía Đông Quốc lộ B (phần đường chỉ lưu hành hướng N - B). Lúc đầu, Đ điều khiển xe lưu hành tại làn đường thứ 3 (làn đường sát dải phân cách) sau đó điều khiển xe để sang đường. Khi đến làn đường thứ 2 thì Đ nhìn thấy Trần Gia B, sinh năm 2006, trú thôn B, xã S, tỉnh Đắk Lắk điều khiển xe mô tô biển số 78AF-088.43 (do Lê Mai Thành L1 đứng tên chủ sở hữu) lưu hành theo hướng N-B đang chạy đến nên Đ đánh lái sang trái để tránh xe mô tô của B nhưng không kịp dẫn đến phần đầu xe mô tô của B va chạm vào phần thùng xe bên phải của xe công nông tự chế do Đ điều khiển gây tai nạn. Hậu quả: Trần Gia B chết, xe mô tô bị hư hỏng.

* Tại Kết luận giám định tử thi số 08/KLGĐTT-PYPY ngày 12/02/2025 của Trung tâm Pháp y tỉnh P (nay là Trung tâm Pháp y tỉnh Đ), kết luận: anh Trần Gia B chết do chấn thương sọ não rất nặng/đa chấn thương. Không tìm thấy cồn trong máu.

* Tại Kết luận giám định số 242/KL-KTHS ngày 18/4/2025 của Phòng K Công an tỉnh P (nay là Công an tỉnh Đ), kết luận: Vị trí va chạm trên mặt đường giữa xe mô tô biển số 78AF-088.43 và xe công nông không biển số nằm ở phía Đông Bắc vết 3 (vết 3: Diện cày xước nhựa đường đứt quãng trên mặt đường nhựa) ở phần đường phía Đông tại Km26+200m đường Q thuộc khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên (cũ).

* Tại Kết luận giám định ngày 08/12/2025 của Cục Đ1, kết luận: Xe công nông, thùng xe sơn màu xanh (phương tiện bị cáo Đ điều khiển lưu hành gây tai nạn) có đặc điểm sau: Nhãn hiệu: Không xác định; Tên thương mại/Mã kiểu loại: Không xác định; Số khung: Không xác định; Số động cơ: Không xác định; Năm sản xuất: Không xác định; Khối lượng bản thân cân thực tế: Trục 1: 680kg; Trục 2: 630kg; Tổng cộng 1310kg; Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao): 4180x1585x1950mm; Kích thước lòng thùng chở hàng: 1845x880x320mm; Khoảng cách trục: 2390mm; Vết bánh xe trục 1: 900mm; Vết bánh xe trục 2: 125 mm; Ký hiệu động cơ: 1115; Loại động cơ: 4 kỳ, 01 xi lanh, làm mát bằng chất lỏng; Công suất lớn nhất/ Số vòng quay: 16,13/2200 kw/rpm; Loại nhiên liệu: Diesel; Số chỗ ngồi: 01, thuộc loại xe tương tự xe cơ giới, chưa được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật;

không đạt yêu cầu an toàn kỹ thuật; không đảm bảo an toàn kỹ thuật, không được kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, không được đăng ký cấp biển số nên không được phép tham gia giao thông.

* Tại Bản kết luận định giá tài sản số 54/KL-HĐĐGTS ngày 19/02/2025 của Hội đồng định giá tài sản thị xã Đ, tỉnh Phú Yên kết luận:

- 01 (một) xe mô tô biển số 78AF-088.43, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVE, màu sơn trắng, số máy JA70E0511424, số khung RLHJA3936RY171513, sử dụng từ tháng 8/2024 bị hư hỏng thiệt hại tài sản trị giá 5.220.000đ (Năm triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng).

- 01 (một) xe công nông, thùng xe màu sơn xanh, đã qua sử dụng, bị hư hỏng thiệt hại tài sản trị giá 360.000đ (Ba trăm sáu mươi nghìn đồng).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn Đ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 01/4/2026, bị cáo Lê Văn Đ có đơn kháng cáo, với nội dung: Đề nghị giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Văn Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

- Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật. Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử bị cáo dưới khung hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, sau khi xét xử sơ thẩm đã bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông Lê Mai Thành L1. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh nhiều khó khăn, việc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống gia đình bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ 02 năm 03

tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Về án phí: Cấp sơ thẩm không buộc bị cáo chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền thỏa thuận bồi thường tại phiên tòa là vi phạm quy định tại Điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, việc hủy một phần bản án về nội dung này sẽ kéo dài thời gian giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm theo hướng buộc bị cáo phải chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 184.000.000 đồng thỏa thuận bồi thường tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với tội danh mà cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu, hoàn cảnh khó khăn, vợ bị cáo thường xuyên đau ốm không có nguồn thu nhập, bị cáo là lao động chính phải nuôi mẹ già, chăm vợ, nuôi con đang đi học nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo. Bị cáo thống nhất với đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát và ý kiến của Luật sư bào chữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo Lê Văn Đ tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập, đánh giá có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 40 phút ngày 14/01/2025, tại Km26+200m Quốc lộ B thuộc khu phố P, phường H, tỉnh Đắk Lắk, Lê Văn Đ không có giấy phép lái xe hoặc chứng chỉ để đảm bảo được điều khiển loại xe công nông tự chế theo quy định, đã có hành vi điều khiển xe công nông tự chế không được phép tham gia giao thông lưu hành hướng Bắc – Nam đi không đúng phần đường quy định (hướng ngược chiều có dải phân cách cố định), gây tai nạn với xe mô tô biển số 78AF 088.43 do Trần Gia B điều khiển lưu hành hướng Nam – Bắc (*đi đúng phần đường, làn đường*), hậu quả làm anh B chết, xe mô tô bị hư hỏng trị giá 5.220.000 đồng.

Do đó, cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Văn Đ về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ pháp lý và đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn Đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1,

khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án 02 năm 03 tháng tù – dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên không có cơ sở xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo tiếp tục bồi thường đầy đủ thiệt hại về tài sản cho anh Lê Mai Thành L1 và được anh L1 làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo có hoàn cảnh khó khăn: vợ thường xuyên đau ốm phải điều trị, không có thu nhập, con nhỏ đang còn đi học, bị cáo còn đang nuôi mẹ già nên bị cáo là lao động chính trong gia đình. Việc áp dụng hình phạt tù sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống gia đình bị cáo. Xét bị cáo đã tích cực bồi thường cho người bị hại, thể hiện sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội do mình gây ra. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, áp dụng biện pháp miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện và ấn định thời gian thử thách, để bị cáo có điều kiện lao động nuôi gia đình.

[3] Về TNDS và án phí:

Biên bản phiên tòa sơ thẩm thể hiện: Phiên tòa tạm nghỉ 15 phút để bị cáo Lê Văn Đ và gia đình bị hại thương lượng mức bồi thường và phương thức bồi thường. Bị cáo và gia đình bị hại đã thống nhất: bị cáo bồi thường tiền chi phí mai táng và các chi phí hợp lý khác cho gia đình bị hại số tiền là 244.000.000 đồng (gồm 184.000.000 đồng bồi thường tại phiên tòa và 60.000.000 đồng bồi thường trước đó), gia đình bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản tiền nào khác và đề nghị ghi nhận trong bản án.

Tại Điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định: *Tại phiên tòa, đương sự, bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại thì họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm như trường hợp Tòa án đưa ra xét xử vụ án đó.* Tuy nhiên cấp sơ thẩm không buộc bị cáo chịu án phí sơ thẩm đối với số tiền 184.000.000 đồng là không đúng, thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước nên cần sửa nội dung này cho phù hợp quy định của pháp luật như quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên bị cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ Điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn Đ. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 08/2026/HS-ST ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 12 - Đắk Lắk về biện pháp chấp hành hình phạt và án phí.

[2] Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Văn Đ **02 (hai) năm 03 (Ba) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời gian thử thách là 04 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn Đ cho Ủy ban nhân dân phường H, tỉnh Đắk Lắk để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[3] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm:

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Văn Đ phải chịu 9.461.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Văn phòng CQCSĐT Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Khu vực 12 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lưu Thị Thu Hường